TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ N TỈNH KHÁNH HÒA	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc.**

Bản án số: 08/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 07 - 02 – 2018
V/v ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨAVIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ N, TỈNH KHÁNH HÒA

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Trọng Rực

Các Hội thẩm nhân dân:

. Ông Ngô Tiến Thành.

. Ông Trần Đình Hùng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Hồng Phương Thảo – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố N, tỉnh Khánh Hòa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố N, tỉnh Khánh Hòa tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Như Hạnh - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 02 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố N, tỉnh Khánh Hòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 1151/2017/TLST- HNGĐ ngày 18 tháng 10 năm 2017 về việc ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06A/2018/QĐXX-ST ngày 05 tháng 01 năm 2018, giữa các đương sự:

***** *Nguyên đơn*: Dương Nữ Thu S – sinh năm 1992; địa chỉ: 88/22 NK, phường VH, thành phố N, Khánh Hòa. Có mặt.

***** *Bị đơn*: Đỗ Công T – sinh năm 1991 – địa chỉ: Tổ 19 TP, phường VP, thành phố N, Khánh Hòa. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện gửi đến Tòa án, bản tự khai, biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ có tại hồ sơ và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Dương Nữ Thu S trình bày: Tôi và anh Đỗ Công T tự nguyện kết hôn năm 2012, đăng ký kết hôn tại UBND phường VP, Tp.N, tỉnh Khánh Hòa. Chúng tôi có một con chung là Đỗ Ngọc Công D- sinh ngày 09/8/2012. Cuộc sống vợ chồng nhiều mâu thuẫn, thường xuyên kình lộn, không cùng quan điểm sống, anh T sống không có trách nhiệm với gia đình, không chịu làm ăn lại thường xuyên nhậu nhẹt về đánh vợ, anh T còn sử dụng ma túy đá, cỏ mỹ và ngày càng hung dữ, đánh vợ nhiều hơn, tôi phải đưa con về ngoại sống. Tôi đã cố gắng nhẫn nhịn, góp ý, khuyên giải nhiều nhưng anh T không sửa đổi, nay nhận thấy cuộc sống chung không hạnh phúc, tình cảm không còn tôi yêu cầu ly hôn. Về con chung, tôi yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung vì từ nhỏ đến giờ cháu luôn sống cùng tôi, tôi không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Chúng tôi không có tài sản chung và không có nợ chung.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập hợp lệ đối với bị đơn là anh Đỗ Công T để lấy lời khai, tham gia hòa giải nhưng anh T đều không có mặt để làm việc theo giấy triệu tập của Tòa án, nên Tòa án không lấy được lời khai của anh T và cũng không hòa giải được vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Anh Đỗ Công T là bị đơn đã được Tòa án nhân dân thành phố N triệu tập hợp lệ đến phiên tòa xét xử lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt. Theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh Đỗ Công T.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Mặc dù không lấy được lời khai của bị đơn là anh Đỗ Công T và tại phiên tòa bị đơn cũng vắng mặt nhưng theo lời khai của nguyên đơn thì chị Dương Nữ Thu S và anh Đỗ Công T kết hôn tự nguyện, đủ điều kiện kết hôn và đã được Ủy ban nhân dân phường VP, Tp.N, tỉnh Khánh Hòa cấp giấy chứng nhận kết hôn số 158/2012, quyển số 01/2012 ngày 20 tháng 8 năm 2012. Nên quan hệ hôn nhân giữa chị Dương Nữ Thu S và anh Đỗ Công T được pháp luật công nhận là hôn nhân hợp pháp.

Tại phiên tòa chị S giữ nguyên yêu cầu ly hôn với anh Đỗ Công T. Xét lời khai của chị S thì cuộc sống chung vợ chồng giữa chị S, anh T có nhiều mâu thuẫn và không tìm được phương pháp nào để tiếp tục sống chung với nhau nữa. Theo chị S thì do anh T sống không có trách nhiệm với gia đình, thường xuyên nhậu nhẹt về nhà đánh chửi vợ, anh T không chịu làm ăn lại còn sử dụng ma túy, vợ phải đưa con về bên ngoại sống hai năm nay. Mặc dù chị S đã khuyên nhủ nhiều nhưng anh T không sửa đổi. Nhận thấy không thể có hạnh phúc với người chồng như vậy, tình cảm không còn nên chị S yêu cầu ly hôn. Như vậy mâu thuẫn giữa chị S và anh T đã đến hồi trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Quá trình giải quyết vụ án, anh T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần để giải quyết việc ly hôn giữa hai người nhưng anh T đều không có mặt để làm việc theo giấy triệu tập của Tòa án. Điều đó chứng tỏ anh T không quan tâm gì đến cuộc hôn nhân này nữa. Việc chị S yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Đỗ Công T là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình, nên chấp nhận yêu cầu này của chị S.

[3] Về con chung: Vợ chồng chị S, anh T có một con chung là Đỗ Ngọc Công D- sinh ngày 09/8/2012, theo chị S thì cháu hiện đang sống cùng chị S. Do vậy yêu cầu của chị S được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung đến tuổi thành niên là chính đáng, phù hợp với quy định tại Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình nên cần chấp nhận. Về cấp dưỡng nuôi con chung, chị S không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung.

[4] Về tài sản chung: Chị S xác định tài sản chung không có và xác định không có nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Bị đơn anh Đỗ Công T đã được Tòa án thông báo, triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng đều không đến Tòa án để trình bày ý kiến về việc kiện của nguyên đơn và Tòa án cũng không hòa giải được vụ án. Vì vậy không có cơ sở để giải quyết yêu cầu của anh T.

[5] Về án phí: Chị Dương Nữ Thu S phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Điều 28, Điều 35, Điều 147, Điều 227, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn:

- Chị Dương Nữ Thu S được ly hôn với anh Đỗ Công T.

- Giao con chung là Đỗ Ngọc Công D- sinh ngày 09/8/2012 cho chị Dương Nữ Thu S trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi thành niên, chị S không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con. Anh Đỗ Công T được quyền thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở. Vì lợi ích của con, khi cần thiết chị S, anh T đều có quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con chung cũng như cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung: Chị Dương Nữ Thu S xác định tài sản chung không có và xác định không có nợ chung nên Tòa không xét.

2. Về án phí: Chị Dương Nữ Thu S phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm chị S đã nộp là 300.000đ theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0007608 ngày 18 tháng 10 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố N. Chị Dương Nữ Thu S đã nộp đủ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

3. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn được quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hoặc niêm yết bản án, để yêu cầu Tòa án nhân tỉnh Khánh Hòa xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:
. Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa;
. Viện kiểm sát nhân dân Thành phố N;
. UBND phường VP, Tp.N;
(Đăng ký kết hôn ngày 20/8/2012);
. Thi hành án dân sự Tp.N;
. Đương sự;
. Lưu hồ sơ, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Trọng Rực